

TỪ VỰNG & CÁC Ý
TƯỞNG PHỤC VỤ BÀI
VIẾT & NÓI

Mục lục

1. TELEVISION, INTERNET, PHONES – CÔNG NGHỆ	5
1.1 Positives of television – Lợi ích của xem ti vi.....	5
1.2 Negatives of Television – Bất lợi của xem ti vi.....	5
1.3 Opinions about Television – Quan điểm về xem Tivi	5
1.4 Positives of the Internet – Lợi ích của Internet	6
1.5 Negatives of the internet – Nhược điểm của Internet	7
1.6 Internet compared to newspaper and books – So sánh Internet với sách báo	7
1.7 Positives of Mobile Phones – Ưu điểm của điện thoại.....	7
1.8 Negatives of Mobile Phones – Nhược điểm của điện thoại.....	8
1.9 Opinion about Mobile Phones – Quan điểm về điện thoại.....	8
2. WORK – CÔNG VIỆC.....	9
2.2 The benefits of not staying in the same job – <i>Lợi ích của thay đổi công việc (nhảy việc)</i>	9
2.3 Self-employment – Chủ doanh nghiệp	10
2.4 Unemployment – Thất nghiệp.....	10
2.5 Positives of unemployment benefits – Ưu điểm của trợ cấp thất nghiệp.....	11
2.6 Negatives of unemployment benefits – Nhược điểm của trợ cấp thất nghiệp	11
2.7 Work/Life Balance – Cân bằng giữa công việc và cuộc sống	11
2.8 Technology and work – Công nghệ và công việc	12
3. TRANSPORT – GIAO THÔNG.....	12
3.1 Traffic problems - Các vấn đề giao thông	12
3.2 Traffic solutions - Giải pháp cho vấn đề giao thông	13
3.3 Positives of Public transport - Ưu điểm của giao thông công cộng	13
3.4 Negatives of public transport - Bất lợi của giao thông công cộng	14
4. FAMILY – GIA ĐÌNH	14
4.2 Working parents - Cha mẹ bận công việc	15
4.3 Negative effects on Children - Ảnh hưởng tiêu cực đến trẻ em	15
4.4 Solution - Giải pháp.....	15
4.5 Divorce - Ly dị.....	16
5. Immigration - Di cư.....	16
5.1. Positives of immigration and multi-cultural societies - Ưu điểm của nhập cư và xã hội đa văn hóa.....	17
5.2 Negatives of immigration - Nhược điểm của nhập cư.....	17
5.3 Opinions about immigration - Quan điểm về nhập cư	17

6. HEALTHY DIET – CHẾ ĐỘ ĂN LÀNH MẠNH	18
6.1 Solutions - Giải pháp.....	18
6.1.1 Exercise - Tập thể dục	18
6.1.2 Government’s Role - Vai trò của chính phủ.....	19
7. STRESS – CĂNG THẲNG	19
7.1 How to reduce stress - Làm thế nào để giảm căng thẳng	20
8. CITIES – THÀNH PHỐ	20
8.1 Reasons for urbanization/migration to big cities - Lý do của việc đô thị hóa/di cư đến thành phố	20
8.2 Negatives of city life/Problems of city life - Những bất lợi của cuộc sống ở thành phố/những vấn đề khi sống ở thành phố.....	20
8.2.1 Social problems	20
8.3 Pedestrian Areas - Khu dành cho người đi bộ	21
9. EDUCATION – GIÁO DỤC	22
9.1 Benefits of education - Lợi ích của giáo dục.....	22
9.2 Benefits of studying abroad - Lợi ích của việc du học.....	22
9.3 Drawback of studying abroad-Bất lợi của việc đi du học.....	23
9.4 Technology in Education - Công nghệ trong giáo dục	23
9.4.1 Advantages of technology in Education	23
9.4.2 Disadvantages of Technology in Education -Bất lợi của công nghệ trong giáo dục	24
9.4.3 Opinion on Technology in Education - Quan điểm về công nghệ trong giáo dục	24
9.5. Education in Developing countries - Giáo dục ở các nước đang phát triển.....	25
9.5.1 Problems of education in developing countries - Vấn đề của giáo dục ở các nước đang phát triển	25
9.5.2 Solutions to education in developing countries - Giải pháp giáo dục ở các nước đang phát triển	25
9.6 Higher education - Giáo dục đại học	26
9.6.1 Advantages of higher education - Lợi ích của giáo dục đại học.....	26
9.6.2 Disadvantages of higher education - Bất lợi của giáo dục đại học	26
9.7 Causes of bad behavior in schools - Nguyên nhân học sinh có hành vi xấu.....	27
9.8 Solutions to bad behavior in schools.....	27
10. LANGUAGE – NGÔN NGỮ’	28
10.1 Positive of English as an international language - Ưu điểm khi sử dụng tiếng anh như một ngôn ngữ quốc tế.....	28
10.2 Negative of English as an International Language - Nhược điểm khi sử dụng tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế.....	28
11. ADVERTISING – QUẢNG CÁO	29
11.1 Positives of Advertising - Ưu điểm của quảng	29

11.2 Negatives of Advertising - Những bất cập của quảng cáo.....	29
11.3 Opinions about advertising - Quan điểm về quảng cáo	30
12. ENVIRONMENT – MÔI TRƯỜNG	30
12.1 Global warming - Trái đất nóng lên.....	30
12.2 Effects of Global Warming - Ảnh hưởng của sự nóng lên toàn cầu	31
12.3 Impacts of humans on the environment - Tác động của con người đến môi trường	31
12.4 Solutions to environment problems - Giải pháp vấn đề môi trường	32
12.5 Waste/rubbish - Rác thải	32
12.6 Litter - Rác rữa bừa bãi.....	33
12.7 Recycling and other solutions - Tái chế và các giải pháp khác	33
13. CRIME – TỘI PHẠM	34
13.1 Police and Crime Prevention - Cảnh sát và phòng chống tội phạm	34
13.2 Punishments/Prisons - Hình phạt/Nhà tù	34
13.3 Negatives of prisons - Bất lợi của nhà tù	35
13.5 Capital punishment - Tử hình.....	35
13.6 Against Capital Punishment - Quan điểm phản đối với hình phạt tử hình.....	35
13.7 Community service - Lao động công ích	36
13.8 Against community service - Quan điểm về lao động công ích	36
13.9 Crime in the Media - Tội phạm trên truyền thông	36
14. TOURISM – DU LỊCH.....	37
14.1 Positives of Tourism - Ưu điểm của du lịch.....	37
14.2 Negative effects of tourism - Nhược điểm của du lịch	37
14.3 The future of tourism - Xu hướng du lịch.....	38
15. GOVERNMENT AND SOCIETY – CHÍNH PHỦ VÀ XÃ HỘI.....	38
15.1 What governments can do - Những việc chính phủ cần làm.....	38
15.2 Public services - Dịch vụ công	39
16. GLOBALIZATION – TOÀN CẦU HÓA	40
16.1. Positives of Globalization - Lợi ích của toàn cầu hóa.....	40
16.2 Negatives of Globalization - Bất lợi của toàn cầu hóa.....	40
16.3 The future of globalization - Xu hướng toàn cầu hóa	40
Writing samples 1.....	41
Writing samples 2.....	43

1. TELEVISION, INTERNET, PHONES – CÔNG NGHỆ

1.1 Positives of television – Lợi ích của xem ti vi

Watching television is a good way to relax

Xem ti vi là một cách hay để giải trí

It is many people's favorite way to wind down after a hard day at work

Đây là cách giải trí yêu thích của nhiều người sau một ngày làm việc mệt mỏi

Television programs can be entertaining and enjoyable

Các chương trình ti vi có thể mang tính giải trí và thú vị

Viewers have access to a huge variety of entertainment channels

Người xem có thể truy cập vào nhiều kênh giải trí khác nhau

Television brings the best comedians, musicians and actors into our homes

Ti vi đưa những diễn viên hài, nghệ sĩ và diễn viên nổi nhất đến với công chúng

Programmers can also be informative and educational

Các chương trình cũng có thể cung cấp thông tin và mang tính giáo dục

News coverage makes the public aware of events around the world

Chương trình tin tức khiến cho công chúng biết được các sự kiện trên toàn thế giới

Documentaries can make learning more interesting

Các bộ phim tài liệu khiến học hành thú vị

1.2 Negatives of Television – Bất lợi của xem ti vi

Television is having a negative impact on society

Tivi có ảnh hưởng tiêu cực đến xã hội

Some people link violence on television with crime rates in the real world

Một số người cho rằng bạo lực trên tivi có liên quan đến tội phạm trong cuộc sống thực

Children copy the behavior they see on the screen

Trẻ em bắt chước hành vi khi chúng xem được trên màn hình

Children are less healthy because they spend less time playing

Trẻ em không được khỏe mạnh lắm vì chúng dành ít thời gian vui chơi

Advertisers direct their marketing at children

Những nhà quảng cáo hướng quảng cáo đến trẻ em

Watching TV is a waste of time

Xem tivi tốn thời gian

1.3 Opinions about Television – Quan điểm về xem Tivi

Television has many benefits

Tivi có nhiều lợi ích

However, it can be addictive

Tuy nhiên, nó có thể gây nghiện

Children should play outside rather than sit in front of a screen all day

Trẻ con nên ra ngoài chơi thay vì ngồi trước màn hình suốt ngày

Behaviour shown on TV can influence people

Những hành vi trên Tivi có thể ảnh hưởng đến con người

Parents should choose carefully what their children watch

Bố mẹ nên chọn nội dung cho trẻ xem cẩn thận

Children should not be exposed to violence, swearing or sexual images

Trẻ không nên tiếp xúc với bạo lực hoặc những hình ảnh khiêu dâm

Advertising during children's programs should be strictly controlled

Quảng cáo các chương trình cho trẻ em nên được kiểm soát nghiêm ngặt

TV companies should make more positive, educational programs

Các công ty truyền hình nên làm các chương trình mang tính giáo dục và tích cực

1.4 Positives of the Internet – Lợi ích của Internet

There are many advantages to using the Internet

Dùng internet có nhiều lợi ích

It gives us instant access to information on almost any subject

Nó cho phép truy cập thông tin ở hầu hết các lĩnh vực ngay lập tức

Shops and other services are now available online

Các cửa hàng và dịch vụ khác bán trực tuyến

People can buy goods and services from the comfort of their homes

Mọi người có thể mua hàng hóa và dịch vụ tiện lợi khi đang ở nhà

The Internet is starting to replace other forms of entertainment

Internet đang dần thay thế các phương tiện giải trí khác

It has revolutionized communication

Nó tạo ra một cách mạng trong giao tiếp

We can keep in touch by email or instant messenger services

Chúng ta có thể liên lạc qua Email hoặc nhắn tin

Video messaging is becoming common for business meetings

Nhắn tin đang trở nên phổ biến trong các cuộc họp doanh nghiệp

1.5 Negatives of the internet – Nhược điểm của Internet

Many websites contain offensive content

Nhiều trang website có thể chứa nội dung phản cảm

Some sites show violent or sexual images

Một số trang web đăng hình ảnh bạo lực hoặc khiêu dâm

Parents find it difficult to control what their children see online

Bố mẹ cảm thấy khó kiểm soát những thứ mà con cái họ xem trên mạng

They do not always know who their children are chatting to

Không phải lúc nào họ cũng biết con mình đang chat với ai

With so many websites it is difficult to search for good information

Có quá nhiều trang Web nên rất khó tìm kiếm thông tin hữu ích

Criminals increasingly use the Internet to steal people's money

Tội phạm ngày càng sử dụng Internet để lấy trộm tiền của mọi người

1.6 Internet compared to newspaper and books – So sánh Internet với sách báo

Newspapers and books are now published online as well as in print

Ngày nay báo chí và sách vở được xuất bản trực tuyến cũng như bản giấy

We can read the news in any language from any country in the world

Chúng ta có thể đọc tin tức bằng bất cứ ngôn ngữ nào từ bất kỳ quốc gia nào trên thế giới

It costs nothing to publish or access information on the Internet

Không mất gì khi xuất bản hay truy cập thông tin trên mạng

The Internet allows anybody to publish their own writing

Internet cho phép tất cả mọi người xuất bản bài viết của họ

Newspaper articles and books are written by professionals

Các bài báo hoặc sách được các chuyên gia viết

Professionals produce better quality writing than amateur

Các chuyên gia cung cấp những bài viết chất lượng hơn những người nghiệp dư

People still buy newspapers and books because they are portable

Mọi người vẫn mua báo giấy và sách vở vì chúng dễ dàng mang theo

People do not like reading from a screen

Mọi người không thích đọc trên màn hình

1.7 Positives of Mobile Phones – Ưu điểm của điện thoại

The mobile phone is the most popular gadget in today's world

Ngày nay điện thoại là phương tiện phổ biến nhất trên thế giới

Mobile phones have revolutionized the way we communicate

Điện thoại thay đổi cách chúng ta giao tiếp với nhau

We can stay in touch with family, friends and colleagues wherever we are

Chúng ta có thể liên lạc với gia đình, bạn bè và đồng nghiệp ở bất cứ nơi đâu

Users can send text messages, surf the Internet, take photos and listen to music

Người dùng có thể gửi tin nhắn, lướt Web, chụp ảnh và nghe nhạc

Mobiles have also become fashion accessories

Điện thoại cũng trở thành món phụ kiện thời trang

1.8 Negatives of Mobile Phones – Nhược điểm của điện thoại

Mobiles phones can be a problem in some public places

Điện thoại có thể là vấn đề khi sử dụng ở nơi công cộng

Ringling phones cause disturbance in cinemas and school lessons

Chuông điện thoại gây khó chịu khi đi xem phim hoặc trong lớp học

Some people are not aware that others can hear their conversations

Một số người không nhận thức được rằng người khác sẽ nghe thấy cũng nói chuyện của họ

Mobile phones may also interfere with electronic equipment

Điện thoại cũng có thể gây nhiễu các thiết bị điện tử

Their waves could cause damage to our brains

Sóng điện thoại có thể gây hại đến não

Mobile phones can also be a dangerous distraction

Điện thoại cũng có thể gây sao nhãng một cách nguy hiểm

Using a phone while driving reduces the driver's concentration

Sử dụng điện thoại trong khi lái xe làm giảm độ tập trung

Mobile phones are a popular target for thieves

Điện thoại là mục tiêu phổ biến của bọn cướp

1.9 Opinion about Mobile Phones – Quan điểm về điện thoại

The benefits of mobile phones outweigh the drawbacks

Lợi ích của điện thoại nhiều hơn tác hại của nó

We need to use these phones with care

Mọi người cần sử dụng điện thoại một cách cẩn thận

2. WORK – CÔNG VIỆC

2.1 The benefits of staying in the same job for life – Lợi ích khi làm một việc suốt đời

Employees have a stable career with one employer

Nhân viên có một công việc ổn định tại một doanh nghiệp

They have a good pension and health insurance

Nhân viên có lương hưu và bảo hiểm y tế

Their salaries gradually increase

Lương tăng đều

They may be promoted within the organization

Có khả năng được thăng tiến

They demonstrate loyalty

Thể hiện sự trung thành

Experienced staff can be trusted with more responsibility

Nhân viên giàu kinh nghiệm được tin tưởng và giao nhiều trọng trách hơn

They become part of a team

Trở thành một phần của nhóm

There is a clearly defined path for development

Có định hướng phát triển rõ ràng

2.2 The benefits of not staying in the same job – Lợi ích của thay đổi công việc (nhảy việc)

People often change jobs in order to further their career

Mọi người thường thay đổi công việc để tìm kiếm sự thăng tiến

Another company may offer a promotion or a higher salary

Công ty khác có thể cân nhắc ở vị trí cao hơn hoặc là lương cao hơn

People who change jobs can gain experience

Người thay đổi công việc có thêm kinh nghiệm

They can learn different skills

Họ có thể học được những kỹ năng khác nhau

Changing jobs is interesting and challenging

Thay đổi công việc khá thú vị nhưng cũng đầy thử thách

People can retrain in a different occupation

Mọi người được đào tạo lại khi làm công việc khác

In a fast-changing world workers need to be flexible

Trong thế giới biến động nhanh chóng thì con người cần phải linh hoạt

People need to develop a range of experience and skills

Con người cần phải tích lũy kinh nghiệm và phát triển kỹ năng

2.3 Self-employment – Chủ doanh nghiệp

Nowadays, it is easy to set up a company

Ngày nay, thành lập công ty rất đơn giản

The Internet provides a global marketplace

Internet trở thành chợ toàn cầu

Self-employment offers greater freedom than working for a company

Làm chủ có nhiều sự tự do hơn cho các công ty khác

However, there are risks to starting a new business

Tuy nhiên, có nhiều thử thách khi khởi nghiệp

Self-employed people may face financial difficulties

Ông chủ có thể phải đối mặt với thử thách về tài chính

Many businesses fail to make a profit

Nhiều doanh nghiệp không kiếm ra lợi nhuận

There is less stability in self-employment

Làm chủ công việc không ổn định bằng làm thuê

There are no benefits like pensions, sick pay and holiday pay

Khi làm chủ người ta không nhận được lương hưu, tiền nghỉ ốm hay đi du lịch miễn phí

Self-employment involved hard work, long hours and total responsibility

Làm chủ phải chăm chỉ, làm việc nhiều giờ và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm

2.4 Unemployment – Thất nghiệp

Unemployment is a big problem for individuals, communities and society Some people are unable to find a job

Thất nghiệp là một vấn đề lớn của cộng đồng, cá nhân và xã hội

They may not have the sufficient level of education or qualifications

Họ có thể chưa được đào tạo bài bản hoặc chưa có bằng cấp

They may find themselves homeless

Họ có thể bị vô gia cư

Unemployment causes frustration and stress

Thất nghiệp khiến người ta tuyệt vọng và căng thẳng

Jobless people may become involved in crime as a means to get money

Người thất nghiệp có thể phạm tội như một cách để kiếm tiền

The unemployed need careers advice

Những người không có việc làm cần được tư vấn thêm về nghề nghiệp

Governments need to provide vocational courses and retraining

Chính phủ cần hỗ trợ các khóa đào tạo nghề và đào tạo lại

2.5 Positives of unemployment benefits – Ưu điểm của trợ cấp thất nghiệp

Some governments pay unemployment benefits in order to help jobless people

Một số chính phủ trợ cấp cho người thất nghiệp để giúp đỡ những người không có việc làm

Unemployed people need financial support until they find a new job

Người thất nghiệp cần hỗ trợ tài chính cho đến khi họ có việc làm

By claiming benefits they can continue to pay for their homes

Bằng cách xin trợ cấp thất nghiệp họ có thể trả tiền thuê nhà

The benefits system helps to reduce poverty, homelessness and crime

Trợ cấp thất nghiệp giúp giảm nghèo đói, vô gia cư và tội phạm

2.6 Negatives of unemployment benefits – Nhược điểm của trợ cấp thất nghiệp

Some people claim benefits rather than working

Một số người xin trợ cấp thất nghiệp thay vì đi làm

They become dependent on the government

Họ trở nên phụ thuộc vào chính phủ

They are not motivated to find a job

Họ không có động lực để tìm việc

The benefits system is a burden on taxpayers

Hệ thống trợ cấp là một gánh nặng đối với người nộp thuế

All citizens should work to earn a living and support themselves

Mọi công dân phải làm việc kiếm sống và nuôi sống bản thân

Receiving benefits affects people's self esteem

Nhận trợ cấp ảnh hưởng đến lòng tự trọng của mỗi người

2.7 Work/Life Balance – Cân bằng giữa công việc và cuộc sống

It is important to achieve a balance between work time and leisure or family time

Cần phải có sự cân bằng giữa công việc và giải trí hoặc thời gian dành cho gia đình

Too much work can result in stress and poor health

Làm việc nhiều quá có thể dẫn đến căng thẳng và sức khỏe yếu đi

“workaholics” may neglect their families and friends

Những người nghiện việc sẽ sao nhãng gia đình và bạn bè

People need to take regular holidays

Mọi người cần phải đi du lịch thường xuyên

Nowadays, many people work part-time or have flexible working hours

Ngày nay, nhiều người làm việc bán thời gian hoặc công việc linh hoạt

Technology allow people to work from home

Công nghệ cho phép mọi người có thể làm việc ở nhà

Many companies provide childcare facilities

Nhiều công ty cung cấp các thiết bị chăm sóc trẻ em

A good work/ life balance can raise job satisfaction

Cân bằng công việc và cuộc sống sẽ tăng sự hài lòng trong công việc

Happy, healthy workers are more productive

Nhân viên khỏe mạnh, vui vẻ thì làm việc hiệu quả hơn

2.8 Technology and work – Công nghệ và công việc

Internet, fax and mobile phone technologies have revolutionized working life

Internet, fax và điện thoại đã làm thay đổi công việc

Workers can communicate via email, online networks and video conferencing

Người đi làm có thể giao tiếp với nhau thông qua thư điện tử, các mạng và hội thảo trực tuyến

Technology can connect workers in different countries

Công nghệ kết nối người đi làm ở nhiều quốc gia khác nhau

It gives people more freedom

Công nghệ làm cho con người có nhiều tự do hơn

It can also save time and money

Công nghệ cũng giúp tiết kiệm thời gian và tiền bạc

Some people believe that offices could disappear in the future

Một số người tin rằng trong tương lai văn phòng có thể sẽ biến mất

Virtual online offices may replace them

Các văn phòng ảo có thể sẽ thay thế các văn phòng hiện nay

3. TRANSPORT – GIAO THÔNG

3.1 Traffic problems - Các vấn đề giao thông

Traffic congestion is caused by commuters travelling to work

Tắc nghẽn giao thông gây ra bởi việc đi lại đến chỗ làm

Most people live in the suburbs outside city centre

Hầu hết mọi người sống ở ngoại ô xa trung tâm thành phố

Commuters tend to travel at the same time of day

Những người đi làm thường đi vào cùng một khung giờ trong ngày

They tend to travel alone

Họ có xu hướng đi một mình

This causes traffic jams during the rush hour

Điều này dẫn đến tắc nghẽn giao thông trong suốt giờ cao điểm

3.2 Traffic solutions - Giải pháp cho vấn đề giao thông

In order to reduce traffic we should change our working habits

Để giảm ách tắc giao thông, chúng ta cần thay đổi thói quen công việc

The Internet can now be used to connect people

Ngày nay chúng ta có thể dùng internet để kết nối mọi người

More people could work from home

Có thể tăng số người làm việc tại nhà

Meetings can be held as video conferences

Cuộc họp có thể tổ chức qua video

Workers could be given flexible timetables

Người đi làm nên có thời gian biểu linh hoạt

Another solution would be to tax drivers

Một giải pháp khác là đánh thuế tài xế

Workers should share their cars and travel together

Người đi làm có thể đi chung xe với nhau

Public transport needs to be reliable and efficient

Giao thông công cộng phải tin cậy và hiệu quả hơn

3.3 Positives of Public transport - Ưu điểm của giao thông công cộng

We need to reduce our dependence on cars

Chúng ta cần giảm lệ thuộc vào xe ô tô

Parking a car can be extremely difficult in big cities

Có thể rất khó tìm chỗ đỗ xe ở các thành phố lớn

Well-designed transport systems are comfortable and convenient

Hệ thống giao thông công cộng được thiết kế thuận tiện và thoải mái hơn

Modern public transport can be fast and cheap

Giao thông công cộng hiện đại có thể vừa nhanh vừa rẻ

Public transport can help to reduce pollution in cities

Giao thông công cộng có thể giảm ô nhiễm môi trường ở các thành phố

Investment in buses and trains will ease traffic congestion

Đầu tư vào xe buýt và tàu hỏa sẽ làm giảm ách tắc giao thông

Buses can be given special lanes to avoid traffic

Xe buýt được đi vào làn đường riêng để giảm ách tắc giao thông

3.4 Negatives of public transport -Bất lợi của giao thông công cộng

Public transport is often slow and unreliable

Giao thông công cộng thường chậm và không đáng tin cậy

Buses are often dirty and crowded

Xe buýt thường chậm và bẩn

People feel like “sardines in a can”

Mọi người cảm thấy ngột ngạt, khó thở

Cars are much more comfortable

Đi bằng xe riêng thì thoải mái hơn

4. FAMILY – GIA ĐÌNH

4.1 Family size - Kích thước gia đình

Families in many countries are not as large as they used to be

Ở nhiều quốc gia đình không đông như ngày xưa

We tend to live in small nuclear families rather than large extended families

Chúng ta có xu hướng sống trong gia đình hạt nhân thay vì gia đình nhiều thế hệ

Parents tend to have fewer children

Bố mẹ có xu hướng đẻ ít con hơn

Young children are no longer expected to work

Trẻ nhỏ không còn phải đi làm

Nowadays both parents often work

Ngày nay thông thường bố mẹ đều đi làm

It costs so much to bring children up

Ngày nay nuôi dưỡng con cái tốn kém hơn

It is more difficult to raise a large family

Nuôi một gia đình đông con giờ khó khăn hơn nhiều

4.2 Working parents - Cha mẹ bận công việc

Children and their parents seem to be less close nowadays

Ngày nay, cha mẹ và trẻ em dường như xa cách hơn

Parents spend less time with their children

Cha mẹ dành ít thời gian cho con cái hơn

Women traditionally stayed at home to cook, clean and look after children

Ngày xưa phụ nữ thường ở nhà nấu nướng, quét dọn và chăm con

Nowadays both parents often work full time

Ngày nay cả 2 cha mẹ đều đi làm toàn thời gian

Children may be left alone, or with nannies or babysitters

Trẻ em bị bỏ một mình hoặc ở cùng vú nuôi hoặc người trông trẻ

Busy parents have less contact with their children

Bố mẹ bận rộn ít giao tiếp với con cái hơn

Many families no longer eat meals together

Nhiều gia đình không còn ăn cùng nhau

Children spend more time with friends or surfing the Internet

Trẻ em dành nhiều thời gian với bạn bè hoặc lướt Web

4.3 Negative effects on Children - Ảnh hưởng tiêu cực đến trẻ em

The lack of closeness in families can have a negative effect on children

Sự thiếu gần gũi trong gia đình có thể ảnh hưởng tiêu cực đến trẻ em

Many parents have no idea how their children spend their time

Nhiều bố mẹ không biết con cái dành thời gian để làm gì

Friends, television and the Internet become the main influence on children's behavior

Bạn bè, ti vi và Internet có ảnh hưởng chính đến cách cư xử của trẻ

Teenagers are influenced by peer pressure

Thiếu niên bị ảnh hưởng bởi áp lực bạn bè

Some of them join gangs

Một số thiếu niên tham gia vào các băng đảng

Juvenile delinquency is on the increase

Trẻ em phạm tội gia tăng

4.4 Solution - Giải pháp

Parents should be more involved with their children's upbringing

Bố mẹ nên quan tâm hơn đến việc nuôi dạy con

Young people need positive role models

Những người trẻ cần có những hình mẫu tích cực để noi theo

4.5 Divorce - Ly dị

In the past, divorce was unacceptable

Ngày xưa, ly dị là việc không thể chấp nhận

It was considered to be embarrassing for a family

Ngày xưa ly dị là nỗi xấu hổ của gia đình

People stayed together for religious or family reasons

Vợ chồng cùng nhau vì lý do tôn giáo hoặc gia đình

Divorce is more socially acceptable nowadays

Ngày nay việc ly dị được xã hội chấp nhận

It has become much more common

Nó trở nên phổ biến hơn

Divorce can be extremely stressful

Ly dị có thể cực kỳ căng thẳng

Lone parents may face financial difficulties

Bố mẹ đơn thân có thể gặp nhiều vấn đề về tài chính

Many single parents have to rely on benefits paid by the state

Nhiều bố mẹ đơn thân cần dựa vào trợ cấp của chính phủ

Divorce can have a negative effect on children

Ly dị có ảnh hưởng tiêu cực đến trẻ em

Children from single-parent families are more likely to get lower grades or drop out of school.

Con cái của bố mẹ đơn thân có khả năng bị điểm kém ở trường học hoặc bỏ học

The rise in divorce rates may be connected to some social problems

Tỷ lệ ly dị tăng có thể liên quan đến một số vấn đề của xã hội

5. Immigration - Di cư

Some people move to another countries in search of a better life

Một số người di cư sang quốc gia khác để tìm kiếm một cuộc sống tốt hơn

Many immigrants come from less developed countries

Nhiều người nhập cư đến từ các quốc gia kém phát triển

Richer, industrialized countries may offer opportunities for employment

Những nước giàu, nước công nghiệp hóa có thể có cơ hội việc làm tốt hơn
Free healthcare and schooling are available in some developed countries
Ở quốc gia phát triển y tế và giáo dục được miễn phí
Other people migrate to a foreign country to improve their academic qualifications
Nhiều người khác di cư để cải thiện kỹ năng

5.1. Positives of immigration and multi-cultural societies - Ưu điểm của nhập cư và xã hội đa văn hóa

From an economic perspective, immigration can be extremely positive
Từ góc độ kinh tế, nhập cư mang tính chất tích cực
Many immigrants have skills that are needed in the country they move to
Nhiều người nhập cư có kỹ năng cần thiết ở quốc gia nhập cư
Immigrants who find work contribute to the economy of their new country
Những người nhập cư tìm công việc có đóng góp cho nền kinh tế của đất nước mới
Many immigrants send money home to help family members
Nhiều người nhập cư gửi tiền về nhà để giúp đỡ gia đình
Immigration also creates cultural diversity
Nhập cư cũng tạo sự đa dạng về văn hóa
People of many different nationalities learn to live together
Mọi người mang nhiều quốc tịch khác nhau học cách sống cùng nhau
This can help people to become more open-minded and tolerant
Điều đó giúp họ trở nên cởi mở và khoan dung hơn

5.2 Negatives of immigration - Nhược điểm của nhập cư

Some people believe that immigrants take jobs that should go to local people
Một số người tin rằng người nhập cư lấy đi công việc mà nhẽ ra dành cho người bản địa
Some immigrant workers work longer hours for less money
Một số người nhập cư làm việc nhiều giờ hơn nhưng kiếm được ít tiền hơn
Companies might pay lower salaries to immigrant workers
Nhiều công ty có thể trả lương thấp hơn cho lao động nhập cư
Unemployment rates could rise if there are too many immigrants
Tỷ lệ thất nghiệp có thể tăng cao nếu có quá nhiều người nhập cư

5.3 Opinions about immigration - Quan điểm về nhập cư

Immigration can help the economy of a country

Nhập cư có thể giúp ích cho một nền kinh tế

It can create multi-cultural societies

Nhập cư tạo ra xã hội đa văn hóa

However, immigration needs to be controlled

Tuy nhiên, nhập cư cần phải được kiểm soát

In many countries, immigrants need visas or work permit

Ở nhiều quốc gia, người nhập cư phải xin visa và giấy phép làm việc

Governments should stop companies from exploiting immigrant workers

Chính phủ nên đóng cửa các công ty khai thác công nhân nhập cư

Foreign and local workers should have the right to equal pay and conditions

Công nhân nước ngoài và công nhân địa phương nên có quyền được hưởng lương và chế độ như nhau

6. HEALTHY DIET – CHẾ ĐỘ ĂN LÀNH MẠNH

The human body requires a balanced diet

Cơ thể con người cần chế độ ăn uống cân bằng

An unhealthy diet can cause various health problems

Một chế độ ăn không lành mạnh có thể dẫn đến nhiều bệnh tật khác nhau

Obesity, diabetes and heart disease are on the increase

Béo phì, tiểu đường, bệnh tim mạch ngày càng gia tăng

Many people nowadays rely on fast food or pre-prepared meals

Ngày nay, nhiều người phụ thuộc vào thức ăn nhanh hoặc thức ăn được chế biến sẵn

These foods often contain too much fat, salt and sugar

Những đồ ăn này thường chứa nhiều chất béo, muối và đường

They are cheap to buy and very easy to prepare

Những đồ ăn này thường rẻ và dễ chuẩn bị

Many young people have grown up on a diet of convenience foods

Nhiều người trẻ lớn lên bằng những đồ ăn tiện lợi

6.1 Solutions - Giải pháp

6.1.1 Exercise - Tập thể dục

Regular exercise is essential in maintaining a healthy body

Tập thể dục thường xuyên rất cần thiết để duy trì một cơ thể khỏe mạnh

Exercise burns calories and helps to build healthy bones and muscles

Tập thể dục đốt cháy calo và giúp xương và cơ thể chắc khỏe

Doctors advise exercising at least three times a week for 20 minutes

Bác sỹ khuyên nên tập thể dục ít nhất 3 lần/tuần, mỗi lần 20 phút

6.1.2 Government's Role - Vai trò của chính phủ

Governments have a significant role to play in reducing obesity

Chính phủ có vai trò quan trọng trong việc giảm tỷ lệ béo phì

More and more people, including young children are seriously overweight

Ngày càng nhiều người, trong đó có trẻ em thừa cân nghiêm trọng

They are at risk of heart disease and diabetes

Họ có nguy cơ mắc bệnh tim và tiểu đường

This situation will increase the burden on hospitals and taxpayers

Tình trạng này làm gia tăng gánh nặng lên bệnh viện và người trả thuế

Hospitals rely on the government for money and resources

Bệnh viện phụ thuộc vào ngân sách nhà nước và nhân lực

Governments should promote a healthy diet and regular exercise

Chính phủ nên cần khuyến khích ăn uống lành mạnh và tập thể dục thường xuyên

There should be more time for sports on school timetables

Thời khóa biểu tại các trường học nên dành nhiều thời gian cho các môn thể thao

Unhealthy junk food should be banned from school menus

Các thức ăn không tốt cho sức khỏe nên loại khỏi thức ăn của nhà trường

People need information about what foods contain

Mọi người cần biết rõ về thành phần thức ăn

Food packaging must show the food's nutritional content

Bao bì sản phẩm phải ghi rõ thành phần dinh dưỡng của đồ ăn

7. STRESS – CĂNG THẲNG

Modern lifestyles are increasingly stressful

Cuộc sống hiện đại ngày càng nhiều áp lực

People work long hours with strict deadlines

Con người phải làm việc nhiều giờ với thời hạn nghiêm ngặt

Our busy lifestyles mean we have less time to relax

Cuộc sống bận rộn đồng nghĩa với việc chúng ta có ít thời gian để nghỉ ngơi

Unemployment is a major cause of stress

Thất nghiệp là nguyên nhân chính dẫn đến căng thẳng

Children may be affected by their parents' relationship problems

Trẻ em có thể bị ảnh hưởng khi bố mẹ xích mích

Tests and exams can also cause stress

Kiểm tra, thi cử cũng có thể gây ra căng thẳng

7.1 How to reduce stress - Làm thế nào để giảm căng thẳng

Stress can be reduced by taking regular exercise and eating a healthy diet

Có thể giảm căng thẳng bằng cách tập thể dục thường xuyên và ăn uống lành mạnh

It is also important to get sufficient sleep and make leisure time a priority

Ngủ đủ giấc và ưu tiên thời gian nghỉ ngơi cũng rất quan trọng

People should work less overtime and take regular holidays

Mọi người cần tránh đi làm quá giờ và đi du lịch thường xuyên

Schools have started to employ psychologists

Trường học cần có các chuyên gia tâm lý

They can offer emotional support to students

Họ có thể giúp sinh viên trong các vấn đề về tình cảm

They can help students to cope with exam stress

Họ có thể giúp sinh viên vượt qua căng thẳng

8. CITIES – THÀNH PHỐ

8.1 Reasons for urbanization/migration to big cities - Lý do của việc đô thị hóa/di cư đến thành phố

People move to cities in search of job opportunities or better education

Người dân lên thành phố để tìm cơ hội việc làm hoặc giáo dục tốt hơn

Cities offer a higher standard of living

Mức sống ở thành phố cao hơn

Entertainment facilities like the cinemas and amusement parks are often nearby

Khu vui chơi giải trí như rạp chiếu phim, công viên thường gần hơn

People move to cities from the countryside because traditional activities like farming need fewer workers nowadays

Người dân nông thôn lên thành phố vì ngày nay các nghề truyền thống như nghề nông cần ít nhân công hơn.

8.2 Negatives of city life/Problems of city life - Những bất lợi của cuộc sống ở thành phố/những vấn đề khi sống ở thành phố

8.2.1 Social problems

Life in cities can be extremely stressful.

Cuộc sống ở thành phố có thể rất căng thẳng

The cost of living is higher than in rural areas

Chi phí sinh hoạt cao hơn ở nông thôn

Housing is usually much more expensive

Nhà cửa thường đắt đỏ hơn nhiều

The unemployment rate is often high. Many people do not manage to find work

Tỷ lệ thất nghiệp thường cao hơn. Nhiều người không tìm được việc làm

Many unemployed commit crimes as a mean to earn money

Nhiều người thất nghiệp trở nên cướp giật

Traffic congestion is a big problem. People suffer from standstill traffic during rush hours.

Tắc nghẽn giao thông là vấn đề lớn. Mọi người phải chịu cảnh đứng im trong suốt giờ cao điểm

Cities lack a sense of community

Ở thành phố thiếu tính cộng đồng

People do not even know their neighbor

Mọi người thậm chí không biết hàng xóm

8.2.2 Environmental problems in urban areas: Các vấn đề về môi trường ở khu vực thành thị

People in urban areas often have pollution of air, water and noise

Cư dân đô thị thường phải chịu cảnh ô nhiễm không khí, nước và tiếng ồn.

8.3 Pedestrian Areas - Khu dành cho người đi bộ

Pedestrian zones in city centre can improve the local environment

Khu vực dành cho người đi bộ ở trung tâm thành phố sẽ cải thiện được môi trường.

Banning cars encourages people to walk or cycle

Cấm xe hơi, khuyến khích mọi người đi bộ hoặc xe đạp

Many European cities have built bicycle lanes

Một số thành phố ở châu Âu đã xây dựng cho xe đạp

Dependence on cars is linked to health problems like obesity

Những người phụ thuộc vào xe hơi có nguy cơ về vấn đề sức khỏe như béo phì

People who walk or cycle regularly are generally healthier

Những người đi bộ hoặc xe đạp thường xuyên thường có sức khỏe tốt hơn

Pedestrian areas are safer and more attractive for both residents and tourists

Khu vực dành cho người đi bộ thường an toàn và thu hút người dân cũng như khách du lịch.

9. EDUCATION – GIÁO DỤC

9.1 Benefits of education - Lợi ích của giáo dục

Education gives people knowledge and skills

Giáo dục cung cấp kiến thức và kỹ năng cho con người

People with qualification are more likely to find work

Những người có bằng cấp có nhiều cơ hội việc làm hơn

They can earn a higher salary

Họ có thể kiếm được mức lương cao hơn

They can contribute positively to society

Họ có thể có những đóng góp tích cực hơn cho xã hội

Schools aim to teach young people moral values such as tolerance and sharing

Trường học dạy học sinh về giá trị đạo đức như lòng khoan dung và sự chia sẻ

Schools prepare children to be members of a society

Trường học chuẩn bị hành trang cho trẻ trở thành công dân của xã hội

9.2 Benefits of studying abroad - Lợi ích của việc du học

Foreign institutions may offer better courses

Các trường nước ngoài có thể có nhiều khóa học tốt hơn trong nước

Many students want to attend a prestigious university

Nhiều sinh viên muốn tham gia học ở trường đại học danh tiếng

The best universities employ teachers who are experts in their fields

Những trường đại học tốt có đội ngũ giảng viên là những chuyên gia đầu ngành

Qualifications gained abroad can open the door to better job opportunities

Bằng cấp ở nước ngoài có thể mở ra nhiều cơ hội việc làm tốt hơn

Living abroad can broaden students' horizons

Sống ở nước ngoài có thể mở rộng chân trời mới cho sinh viên

Overseas students are exposed to different cultures and customs.

Du học sinh được mở mang tiếp xúc với các nền văn hóa và phong tục khác nhau

They become more independent

Họ sẽ trở nên độc lập hơn

They are responsible for cooking, cleaning and paying bills

Họ phải tự nấu nướng, giặt giũ và trả tiền sinh hoạt phí/tiền hóa đơn

They will learn a foreign language *Họ sẽ học được ngoại ngữ*

9.3 Drawback of studying abroad-Bất lợi của việc đi du học

Living and studying abroad can be difficult

Sống và học tập ở nước ngoài có thể gặp khó khăn

Students have problems with paperwork such as visa applications

Sinh viên có thể gặp vấn đề về các giấy tờ liên quan như visa

The language barrier can be a problem

Rào cản ngôn ngữ có thể là một vấn đề

Students have to find accommodation and pay bills

Sinh viên phải tìm chỗ cư trú và thanh toán sinh hoạt phí

Studying in a foreign language is challenging

Học tập với một ngôn ngữ khác là một thách thức

Living alone in an unfamiliar culture can cause homesickness

Sống một mình ở nền văn hóa khác có thể khiến nhớ nhà

9.4 Technology in Education - Công nghệ trong giáo dục

9.4.1 Advantages of technology in Education

Technology is a powerful tool to engage students

Công nghệ là một công cụ hữu ích gây hứng thú cho sinh viên

Technology can make lessons much more interesting

Công nghệ có thể khiến các bài học trở nên hấp dẫn hơn

Students can do research using online resources

Sinh viên có thể tìm kiếm thông tin trên mạng

Students can study at their own place

Sinh viên có thể nghiên cứu tại nhà

Adults can take distance learning courses

Người lớn có thể tham gia các khóa học từ xa

Students can study whenever and wherever they want

Sinh viên có thể học bất cứ khi nào, bất cứ nơi đâu họ muốn

Students also learn skills which are useful for their future jobs

Sinh viên cũng học được các kỹ năng hữu ích cho công việc của họ sau này

For example, they learn to write reports using a word processor

Ví dụ, họ có thể học viết báo cáo sử dụng các phần mềm soạn văn bản

9.4.2 Disadvantages of Technology in Education -Bất lợi của công nghệ trong giáo dục

People rely too much on computers

Con người phụ thuộc quá nhiều vào máy tính

Young learners do not become proficient in some basic skills

Những người trẻ không sử dụng thành thạo một số kỹ năng cơ bản

They use word processors and spelling may suffer

Họ thường sử dụng máy xử lý văn bản và gặp lỗi về chính tả

People should be able to write a letter by hand

Mọi người nên viết thư bằng tay

Technology is no substitute for a real teacher

Công nghệ không thể thay thế được giáo viên

Learners need a structured course

Người học cần một khóa học cấu trúc bài bản

An experienced teacher knows what materials to choose

Giáo viên có kinh nghiệm biết cách lựa chọn tài liệu

Computers are expensive to maintain and can be unreliable

Mất nhiều kinh phí để duy trì máy tính và máy tính không đáng tin cậy

9.4.3 Opinion on Technology in Education - Quan điểm về công nghệ trong giáo dục

Institutions should supplement traditional teaching with the use of technology

Các trường học nên áp dụng phương pháp kết hợp cách dạy truyền thống với sử dụng công nghệ thông tin

Technology is part of everyday life

Công nghệ là một phần của cuộc sống ngày nay

It can enhance a teacher's lessons

Công nghệ có thể hỗ trợ bài giảng của giáo viên

Students can use online resources to help with homework

Sinh viên có thể sử dụng tài liệu trực tuyến để giúp hoàn thiện bài tập về nhà

Students must still learn to write by hand

Sinh viên vẫn phải viết bằng tay

They should still use traditional sources of information such as books

Sinh viên vẫn nên sử dụng các nguồn thông tin truyền thống như sách

9.5. Education in Developing countries - Giáo dục ở các nước đang phát triển

9.5.1 Problems of education in developing countries - Vấn đề của giáo dục ở các nước đang phát triển

Children often have to work from an early age

Trẻ con thường phải làm việc khi còn khá nhỏ tuổi

There are no schools in many areas

Nhiều nơi chưa có trường học

Families do not have access to books or computers

Nhiều gia đình không có sách vở hoặc máy tính

Literacy rates are often low

Tỷ lệ biết chữ thường thấp

People in developing countries need knowledge and skills

Người dân ở các nước đang phát triển cần có kiến thức và kỹ năng

Education is the key to improving the economy of these countries

Giáo dục là chìa khóa để cải thiện kinh tế ở các nước đang phát triển

9.5.2 Solutions to education in developing countries - Giải pháp giáo dục ở các nước đang phát triển

Developed countries could help developing nations by providing money

Các nước phát triển có thể giúp nước đang phát triển bằng cách cung cấp tiền

They could invest in schools and technology

Họ có thể đầu tư vào trường học và công nghệ

They could supply the funds to build schools and pay for teachers

Họ có thể cung ứng tiền xây dựng trường học và thuê giáo viên dạy

Children need to have access to free schooling

Trẻ em cần được học tập miễn phí

Computer equipment could be donated

Quyên góp máy tính cho các trường

The Internet can expose students to a world of knowledge and information

Internet giúp sinh viên tiếp cận với nguồn kiến thức và thông tin của nhân loại

Governments should make education compulsory for all children

Chính phủ cần phải có môi trường giáo dục bắt buộc đối với trẻ em

They should encourage parents to send their children to school

Chính phủ nên khuyến khích cha mẹ cho trẻ đi học

Governments of developed and developing countries must work together

Chính phủ các nước phát triển và các nước đang phát triển cần phải hợp tác với nhau

9.6 Higher education - Giáo dục đại học

9.6.1 Advantages of higher education - Lợi ích của giáo dục đại học

There are many benefits to going to university

Có nhiều lợi ích của việc học đại học

A degree can open the door to better employment prospects

Bằng cấp có thể mở cánh cửa của cơ hội nghề nghiệp tốt hơn

Economies are becoming increasingly knowledge-based

Nền kinh tế đang ngày càng phụ thuộc và kiến thức

Most jobs require specific knowledge and skills

Hầu hết công việc đều yêu cầu kiến thức và kỹ năng nhất định

Skilled workers are needed for sectors such as information technology and engineering

Những người có trình độ được tuyển dụng cho các lĩnh vực như công nghệ thông tin và kỹ sư

Repetitive manual jobs are now done by machine

Ngày nay, những công việc thủ công lặp đi lặp lại có thể thay thế bằng máy móc

Many factories have moved to developing countries

Nhiều nhà máy được xây dựng ở các nước đang phát triển

9.6.2 Disadvantages of higher education - Bất lợi của giáo dục đại học

A healthy economy needs a wide range of workers

Một nền kinh tế khỏe mạnh cần nhiều nguồn nhân lực khác nhau

Some manual workers will always be needed

Một số công nhân lao động vẫn luôn cần thiết

A university degree is not necessary for many service professions

Bằng đại học không cần thiết cho một số ngành nghề dịch vụ

Practical training is more important in some industries

Ở một số ngành nghề, kinh nghiệm thực tế quan trọng hơn

In the UK, for example, there is currently a shortage of plumbers. Their services are therefore becoming more and more expensive.

Một ví dụ ở nước Anh, hiện nay đang thiếu thợ sửa ống nước. Vì thế, dịch vụ

này ngày càng trở nên đắt đỏ

9.7 Causes of bad behavior in schools - Nguyên nhân học sinh có hành vi xấu

Bad behavior is due to a lack of structure and discipline

Hành vi xấu do thiếu tổ chức và kỷ luật

There are too many children in some classes

Một số lớp có sĩ số quá đông

Large classes are difficult to manage

Rất khó quản lý lớp đông

May disruptive students come from an unstable family background

Nhiều học sinh hư là con em của gia đình bất ổn

Other parents are too lenient and spoil their children

Nhiều bố mẹ thì hiền quá nên làm con hư

Some children are used to getting whatever they want

Một số trẻ quen với việc thích gì được nấy

Schools can do very little if they are not supported by parents

Trường học hầu như không giúp ích gì nhiều nếu như phụ huynh học sinh không ủng hộ

9.8 Solutions to bad behavior in schools

Schools need a clear code of conduct

Trường học cần phải có nguyên tắc rõ ràng

Schools need a clear set of rules about behavior

Trường học phải có quy tắc ứng xử rõ ràng

They need to create a positive working atmosphere

Trường học cần tạo môi trường học tập tích cực

Teachers must have the power to punish disruptive students

Giáo viên phải có quyền phạt những học sinh hư

Schools should remove difficult children from lessons

Trường học nên đuổi những em học sinh cứng đầu ra khỏi lớp

Schools need to work closely with parents

Trường học nên kết hợp chặt chẽ với phụ huynh

Discipline could be lacking at home

Có thể môi trường ở nhà không đủ kỷ luật

Parents must support the school rules

Phụ huynh cần ủng hộ các quy tắc của trường

They should take responsibility for their children's behavior

Họ cần có trách nhiệm với hành vi của con cái

10. LANGUAGE – NGÔN NGỮ

10.1 Positive of English as an international language - Ưu điểm khi sử dụng tiếng anh như một ngôn ngữ quốc tế

English is widely used around the world

Tiếng anh được sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới

It is becoming a global second language

Tiếng anh trở thành ngôn ngữ thứ 2 trên toàn cầu

It is the dominant language of technology, science and international business

Nó là ngôn ngữ phổ biến trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và kinh doanh quốc tế

International business meetings are regularly held in English

Các cuộc họp trong kinh doanh quốc tế thường bằng tiếng Anh

The most important textbooks and journals are published in English

Hầu hết những sách và tạp chí quan trọng được xuất bản bằng tiếng Anh

The ability to speak English is a necessary skill in the modern world

Có thể nói tiếng Anh là một kỹ năng cần thiết trong thế giới hiện đại

10.2 Negative of English as an International Language - Nhược điểm khi sử dụng tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế

If one language is dominant, other languages may disappear

Nếu một ngôn ngữ phổ biến thì các ngôn ngữ khác có thể biến mất

The dominant language brings its own culture

Ngôn ngữ phổ biến sẽ mang theo nền văn hóa mới

American culture has become popular around the world

Văn hóa Mỹ đã trở nên nổi tiếng trên toàn cầu

Other cultures may be damaged

Các nền văn hóa khác có thể sẽ bị hủy

As an alternative to English, a new global language could be invented

Để thay tiếng Anh, một ngôn ngữ toàn cầu mới có thể được phát minh

It would have no nationality or culture attached to it

Nó sẽ không gắn với quốc tịch hay nền văn hóa

This could help to promote international peace and understanding

Điều đó giúp tăng cường hòa bình thế giới và hiểu biết lẫn nhau

Esperanto is an example of a language that was invented with this aim

Esperanto là một ví dụ về ngôn ngữ được phát minh vì mục đích này

11. ADVERTISING – QUẢNG CÁO

11.1 Positives of Advertising - Ưu điểm của quảng cáo

Advertising is a key part of modern business

Quảng cáo là một phần quan trọng của nền kinh tế hiện đại

Companies need to tell customers about their products

Các công ty cần giới thiệu sản phẩm cho khách hàng

Advertisements inform us about the choices we have

Quảng cáo giới thiệu cho chúng ta biết về các sản phẩm mà chúng ta có thể chọn

Advertising is a creative industry that employs many people

Quảng cáo là một nền công nghiệp sáng tạo, nó cung cấp việc làm cho nhiều người

Without advertising we would have less choice

Không có quảng cáo, chúng ta sẽ có ít lựa chọn

Without advertising there would be higher unemployment

Không có quảng cáo số lượng người thất nghiệp nhiều hơn

Advertising is a form of modern art

Quảng cáo là một hình thức nghệ thuật hiện đại

People enjoy adverts

Mọi người thích xem quảng cáo

11.2 Negatives of Advertising - Những bất cập của quảng cáo

Advertising manipulates people

Quảng cáo lôi kéo người tiêu dùng

It aims to persuade people that buying a product will make them happier

Quảng cáo nhằm mục đích thuyết phục mọi người rằng mua sản phẩm sẽ làm cho họ hạnh phúc hơn.

Advertisers focus on selling a brand image

Nhà quảng cáo tập trung vào bán thương hiệu

They use glamorous, successful people

Họ mời những người có sức thu hút, những người thành đạt

We now live in a consumer culture

Ngày nay, chúng ta đang sống trong nền văn hóa tiêu thụ

We are persuaded to follow the latest trend

Chúng ta đang bị thuyết phục để theo xu thế mới nhất

We are encouraged to associate certain brands with a higher status

Chúng ta được khuyến khích để gắn mác thương hiệu nhất định với địa vị cao nhất

Advertisers often aim their marketing at children

Nhà quảng cáo thường hướng mục đích tiếp thị đến trẻ em

Children can easily be influenced by advertisements.

Trẻ em thường dễ bị ảnh hưởng bởi hình thức quảng cáo

Children put pressure on parents to buy them things

Trẻ em gây áp lực với bố mẹ để mua quà cho chúng.

11.3 Opinions about advertising - Quan điểm về quảng cáo

Advertising should be regulated

Quảng cáo nên được quản lý

Advertising aimed at children should be controlled or even banned

Quảng cáo hướng đến đối tượng trẻ nên được quản lý, thậm chí cấm

Unhealthy foods should not be marketed in a way that attracts children

Đồ ăn không lành mạnh không nên quảng cáo theo cách thức lôi cuốn trẻ em

Products that can be risk to healthy should display warnings

Các sản phẩm tiềm ẩn nguy cơ gây hại đối với sức khỏe nên có hình ảnh cảnh báo đi kèm

In some countries it is illegal to advertise cigarettes on television

Ở một số nước, quảng cáo thuốc lá trên ti vi là vi phạm pháp luật

Warnings must be displayed on cigarette packets

Cảnh báo phải được in trên bao thuốc lá

However, advertising is necessary in free market economies

Tuy nhiên, quảng cáo là rất cần thiết trong nền kinh tế thị trường

It creates demand for products

Nó tạo ra nhu cầu đối với sản phẩm

Governments should only censor false information or products that are harmful

Chính phủ chỉ nên kiểm duyệt thông tin sai hoặc các sản phẩm gây hại

12. ENVIRONMENT – MÔI TRƯỜNG

12.1 Global warming - Trái đất nóng lên

Gases such as carbon dioxide trap heat from the sun

Các loại khí như CO₂ giữ nhiệt mặt trời

This causes global temperatures to rise

Điều này làm tăng nhiệt độ trái đất

This process is known as the greenhouse effect

Quá trình này được gọi là hiệu ứng nhà kính

Human activity is a major factor in the rise of the greenhouse gases

Hoạt động của con người là nguyên nhân chính gây tăng hiệu ứng nhà kính

Factories and vehicles produce emissions and exhaust fumes

Nhà máy và xe cộ xả chất thải và khí thải

Many developing countries are becoming industrialized

Nhiều quốc gia đang phát triển đang trong quá trình công nghiệp hóa

The number of cars on our streets is growing

Số lượng xe ô tô lưu thông trên đường phố tăng

Cheap air travel is allowing more people to fly

Du lịch hàng không giá rẻ cho phép nhiều người được đi máy bay

12.2 Effects of Global Warming - Ảnh hưởng của sự nóng lên toàn cầu

Global warming will have a significant impact on our planet

Sự nóng lên toàn cầu có ảnh hưởng lớn đến trái đất chúng ta

Rising temperature will cause melting of the polar ice caps

Nhiệt độ tăng cao dẫn đến nguyên nhân băng tan ở bắc cực

Sea levels will rise

Mực nước biển sẽ tăng cao

We can expect more extreme weather conditions

Chúng ta có thể hứng chịu thời tiết cực đoan

Flooding and droughts may become more common

Lũ lụt và hạn hán có thể xảy ra thường xuyên hơn

12.3 Impacts of humans on the environment - Tác động của con người đến môi trường

The increasing world population is putting pressure on natural resources

Dân số thế giới gia tăng gây áp lực lên nguồn tài nguyên thiên nhiên

Fossil fuels like oil and gas are running out

Nhiên liệu hóa thạch như dầu và khí đang ngày càng cạn kiệt

We are destroying wildlife habitats

Con người đang hủy hoại hệ sinh thái động vật

We have cut down enormous areas of rainforest

Con người chặt phá một lượng lớn diện tích rừng

This has led to the extinction of many species of animals and plants

Điều đó dẫn đến nhiều loại động vật và cây cối bị tuyệt chủng

12.4 Solutions to environment problems - Giải pháp vấn đề môi trường

Governments could introduce laws to limit emissions from factories

Chính phủ nên ban hành luật pháp nhằm giảm khí thải công nghiệp

They should invest in renewable energy from solar, wind or water power

Chính phủ nên đầu tư vào năng lượng thay thế như năng lượng mặt trời, năng lượng nước và năng lượng gió

They could impose “green taxes” on drivers and airlines companies

Chính phủ có thể áp đặt thuế bảo vệ môi trường đối với lái xe và các hãng hàng không

Government campaigns should promote recycling

Chính phủ khởi động các chiến dịch tái chế sản phẩm

Natural areas and wild animals should be protected

Cần bảo vệ khu vực tự nhiên và các loại động vật hoang dã

Individuals should also try to be greener

Mỗi người cần phải có lối sống xanh hơn

We should take fewer flights abroad for holidays

Chúng ta nên bớt lựa chọn đi bằng máy bay để du lịch nước ngoài

We should take public transport rather than driving

Chúng ta nên chọn phương tiện công cộng thay cho lái xe riêng

We should choose products with less packaging

Chúng ta nên chọn các sản phẩm ít sử dụng bao bì

We should recycle as much as possible

Chúng ta nên tái sử dụng nhiều nhất có thể

12.5 Waste/rubbish - Rác thải

The amount of waste we produce has increased

Lượng rác của con người thải ra ngày càng tăng

This problem is a result of our consumer culture

Vấn đề này là kết quả của nền văn hóa tiêu thụ

Products are not made to last

Các sản phẩm không bền

If something breaks, we throw it away and buy a new one

Nếu một thứ hỏng, chúng ta ném nó đi và mua cái mới

Advertisers encourage is to buy the newest fashions

Những nhà quảng cáo khuyến khích khách hàng mua sản phẩm mới nhất

Packaging is an important part of selling

Bao bì là một phần quan trọng trong khâu bán hàng

Most foods are sold in non-biodegradable plastics packaging

Hầu hết thức ăn được bán trong các bao bì nilon không phân hủy

The amount of household waste is growing

Lượng rác thải sinh hoạt ngày càng gia tăng

This waste ends up in landfill sites

Rác thải này cuối cùng ngấm sâu vào lòng đất

12.6 Litter - Rác rữa bừa bãi

People do not think about the consequences of dropping rubbish

Con người không nghĩ đến hậu quả của việc vứt rác bừa bãi

They assume that somebody is paid to clean the street

Họ cho rằng có người được trả lương để làm sạch đường phố

Plastic packaging does not break down easily

Bao bì không phân hủy được dễ dàng

Most of the litter seen on streets is fast food packaging

Hầu hết rác thấy trên đường là bao bì bọc thức ăn nhanh

12.7 Recycling and other solutions - Tái chế và các giải pháp khác

Companies should make goods that last longer

Công ty nên sản xuất hàng hóa bền hơn

They should not use so much packaging

Họ không nên sử dụng quá nhiều bao bì

Governments should be stricter, about waste produced by companies

Chính phủ nên nghiêm khắc hơn đối với rác thải công nghiệp

They should put legal limits on packaging

Chính phủ nên đưa ra khung pháp lý về đóng gói sản phẩm

Consumers should avoid buying over-packaged products

Khách hàng nên tránh mua sản phẩm đóng gói kỹ càng

We should recycle and reuse useful materials.

Chúng ta nên tái sử dụng chất liệu hữu dụng

There are collection banks for glass, paper and plastic bottles

Có những nơi thu gom thủy tinh, giấy và các loại chai nhựa

Households can use several rubbish bins to separate waste

Các hộ gia đình nên có vài thùng rác để phân loại rác

Recycling saves energy and raw materials.

Tái chế tiết kiệm năng lượng và nguyên liệu thô

13. CRIME – TỘI PHẠM

13.1 Police and Crime Prevention - Cảnh sát và phòng chống tội phạm

The job of the polices is to catch criminals

Công việc của cảnh sát là bắt kẻ phạm tội

They must also prevent crime and make communities safer

Họ cũng phải có nhiệm vụ ngăn tội phạm và làm cho cộng đồng an toàn hơn

There should be an increase in the number of police officers on the streets

Nên tăng số lượng cảnh sát trên đường phố

Police officers should be seen as part of the community

Cảnh sát nên là một phần của cộng đồng

They should be involved with education and prevention

Cảnh sát nên tham gia vào việc giáo dục và phòng chống tội phạm

The police should be in close contact with schools

Cảnh sát nên có mối liên hệ mật thiết với trường học

They should focus on young people who have dropped out of school. These teenagers may become involved with gangs

Cảnh sát nên tập trung vào trẻ bỏ học. Những đứa trẻ này có thể tham gia vào băng đảng tội phạm.

13.2 Punishments/Prisons - Hình phạt/Nhà tù

Fines are used as punishment for minor crimes

Phạt tiền là một hình thức xử phạt dành cho kẻ phạm tội nhẹ

If the crime is more serious, prison is the most common punishment

Nếu phạm tội ở mức nghiêm trọng thì phạt tù là hình thức xử phạt phổ biến nhất

Some criminals pose a threat to society

Một số tội phạm gây ra hiểm họa cho xã hội

They are put in prison to ensure the safety of other citizens

Tổng tội phạm vào tù để đảm bảo an toàn cho xã hội

13.3 Negatives of prisons - Bất lợi của nhà tù

Criminals are put together.

Tội phạm thường bị giam chung với nhau

They make friends with other offenders

Họ kết bạn với những tội phạm khác

Many prisoners re-offend when they are released

Nhiều tù nhân tái phạm khi được mãn hạn

A criminal record makes finding a job more difficult

Tiền án phạm tội khiến học khó tìm việc làm

13.4 Rehabilitation - Cải tạo

Another aim of prisons is rehabilitation

Mục đích của nhà tù là để cải tạo lại tù nhân

Prisoners receive education or vocational training

Tù nhân được đào tạo nghề

Prisoners should learn personal skills and specific job skills

Tù nhân nên học các kỹ năng cá nhân và các kỹ năng cần thiết cho nghề nhất định

Punishment could make prisoners' behavior worse

Hình phạt ngồi tù có thể làm cho hành vi của tù nhân trở nên tồi tệ hơn

Rehabilitation aims to make them better citizens

Cải tạo nhằm mục đích giáo dục họ trở thành công dân tốt hơn

Rehabilitated prisoners are less likely to re-offend

Tù nhân sau cải tạo ít phạm tội lại

13.5 Capital punishment - Tử hình

Supporters say that capital punishment deters crime

Những người ủng hộ cho rằng tử hình là hình thức để loại trừ tội phạm

Fear of the death penalty stops people from committing offences

Nỗi sợ tử hình sẽ khiến con người chùn bước trước phạm tội

The death penalty shows that crime is not tolerated

Tử hình cho thấy rằng tội phạm không được khoan dung

It is a form of revenge

Đó là một hình thức trả giá

The cost of imprisonment is avoided

Có thể cắt được chi phí ngồi tù

The offender cannot pose a threat to others

Phạm nhân không gây họa cho người khác

13.6 Against Capital Punishment - Quan điểm phản đối với hình phạt tử hình

Innocent people could be wrongly convicted and executed

Những người vô tội có thể bị phán quyết và hành quyết sai

Crime rates are not necessarily reduced

Tỷ lệ tội phạm không giảm nhiều

Many criminals do not think they will be caught

Nhiều tội phạm không nghĩ rằng họ sẽ bị bắt

Capital punishment is not a good deterrent

Tử hình không phải là biện pháp phòng ngừa tội phạm tốt

Executing prisoners creates a violent culture and encourages revenge

Hành quyết tù nhân tạo ra văn hóa bạo lực và khuyến khích việc trả thù

We have no right to take another human life

Chúng ta không có quyền tước đi quyền sống của người khác

13.7 Community service - Lao động công ích

Community service is a way to reform offenders

Lao động công ích là cách để làm thay đổi tội phạm

It could be a solution to prison overcrowding

Đó là giải pháp để giảm quá tải nhà tù

It avoids the cost of imprisonment

Cắt giảm chi phí cho việc ngồi tù

It makes offenders useful in their local communities

Nó khiến tội phạm hữu ích hơn đối với cộng đồng

They are required to clean streets or talk to school groups

Tội phạm phải quét đường phố hoặc tham gia nói chuyện tại trường học

Offenders repay their community

Tội phạm bù đắp cho cộng đồng của họ

They avoid the negative influence that prison can have

Họ tránh được những tác động tiêu cực mà nhà tù mang lại

13.8 Against community service - Quan điểm về lao động công ích

Community service is not a sufficient punishment

Lao động công ích là hình thức xử phạt chưa đủ răn đe

Criminals should be locked up, away from their victims

Tội phạm có thể bị khóa và tránh xa nạn nhân

13.9 Crime in the Media - Tội phạm trên truyền thông

Crime is one of the main subjects of most news programs

Tội phạm làm một chủ đề chính trên hầu hết các chương trình thời sự

The mass media focus on violent and sensational crimes

Truyền thông tập trung vào các vụ lớn hoặc vụ việc gây tò mò

This lead to fear of crime among the public

Điều này gây hoang mang trong dư luận

Sensational stories attract more viewers or readers

Các vụ việc tày trời thường lôi cuốn người xem, người đọc hơn.

The media report crime stories in order to increase their audience

Truyền thông thuật lại vụ án nhằm tăng lượng độc giả

14. TOURISM – DU LỊCH

14.1 Positives of Tourism - Ưu điểm của du lịch

Tourism is a popular leisure activity

Du lịch là một hoạt động giải trí phổ biến

People go on holiday to relax and have fun

Mọi người đi du lịch để nghỉ ngơi và có giây phút vui vẻ

Tourists can experience different cultures

Du khách trải nghiệm các nền văn hóa khác nhau

They can sunbathe on beaches or go sight-seeing

Họ có thể tắm nắng trên các bãi biển hay đi ngắm cảnh

Travelling abroad opens our minds

Du lịch nước ngoài mở mang trí óc

We can learn to speak other languages

Chúng ta học nói ngôn ngữ khác

The tourist trade is vital for some economies

Ngành du lịch có vai trò thiết yếu đối với một số nền kinh tế

It creates employment in services like accommodation, transport and entertainment

Nó tạo công ăn, việc làm trong ngành dịch vụ như lưu trú, vận chuyển và giải trí

Some areas rely on tourism for their income

Một số địa phương kiếm thu nhập nhờ du lịch

Tourists spend money

Du khách tiêu tiền

Tourism attracts investment from multi-national companies

Du khách thu hút sự đầu tư từ các công ty đa quốc gia

It helps to improve the standard of living

Nó giúp cải thiện chất lượng cuộc sống

Low-cost airlines are making it cheaper to travel abroad

Các hãng hàng không giá rẻ cung cấp giá vé rẻ hơn cho du khách đi du lịch nước ngoài

14.2 Negative effects of tourism - Nhược điểm của du lịch

Tourism can have a negative effect on the natural environment

Du lịch có thể ảnh hưởng tiêu cực lên môi trường tự nhiên

The building of facilities and infrastructure can destroy the habitat of wild animals

Xây dựng cơ sở vật chất có thể phá hủy môi trường sống của các loại động vật hoang dã

Beautiful beaches are spoilt by the building of hotels

Các bãi biển đẹp bị phá hỏng khi các khách sạn xây dựng

Tourism creates pollution and waste

Du lịch gây ô nhiễm và rác thải

It puts pressure on local resources

Du lịch tạo các áp lực lên nguồn lực địa phương

Local traditional and cultures may be endangered

Truyền thống và văn hóa bản địa có thể bị đe dọa

A rise in the cost of living affects local people

Tăng chi phí sinh hoạt ảnh hưởng đến người dân địa phương

The price of goods, services and housing may increase significantly

Giá của các hàng hóa, dịch vụ và lưu trú có thể tăng lên đáng kể

14.3 The future of tourism - Xu hướng du lịch

Government should introduce laws to protect natural environments and local cultures

Chính phủ nên ban hành luật bảo vệ môi trường tự nhiên và văn hóa bản địa

Tourism should have a low impact on wildlife

Du lịch cần ít gây ảnh hưởng đến các loại động vật hoang dã

Renewable resources like solar or water power should be used

Nên sử dụng các nguồn năng lượng thay thế như năng lượng mặt trời hay hơi nước

Waste should be recycled

Cần tái chế rác thải

Local businesses such as farms should be supported

Cần hỗ trợ các ngành nghề kinh doanh bản địa như ngành nông nghiệp

15. GOVERNMENT AND SOCIETY – CHÍNH PHỦ VÀ XÃ HỘI

15.1 What governments can do - Những việc chính phủ cần làm

Governments provide public services like healthcare and education

Chính phủ cần cung cấp các dịch vụ công cộng như giáo dục và y tế

They support people who are living in poverty or unable to work

Chính phủ hỗ trợ người nghèo và những người không thể làm việc

Governments raise money by taxing working people

Chính phủ quyên góp tiền bằng cách đánh thuế người lao động

They can spend money on resources and campaigns

Chính phủ chi tiêu vào các nguồn lực và các chiến dịch

They can introduce new laws

Nhà nước ban hành pháp luật mới

They can impose taxes

Nhà nước đánh thuế

They can raise people's awareness of issues (e.g climate change/healthy eating)

Nhà nước nâng cao nhận thức của con người dân (ví dụ như thay đổi thời tiết/ ăn uống lành mạnh)

They can influence people's habits and opinions

Nhà nước gây ảnh hưởng đến thói quen và quan điểm của người dân

They can create jobs

Nhà nước tạo công việc làm ăn

They can regulate the activities of companies such as banks

Nhà nước điều phối các hoạt động của các ngân hàng

They can provide resources for schools

Nhà nước cung cấp các nguồn lợi cho trường học

They are also responsible for the security and well-being of their citizens

Nhà nước cũng phụ trách an ninh và phúc lợi xã hội cho người dân

They control armed forces and police forces

Nhà nước quản lý các lực lượng vũ trang và cảnh sát

15.2 Public services - Dịch vụ công

Governments pay the salaries of public sector workers like police officers and teachers

Chính phủ trả lương cho công nhân như cảnh sát và giáo viên

The necessary money is raised by taxing people's income

Quyên góp tiền bằng cách đóng góp thuế thu nhập cá nhân

Free education and healthcare may be provided by the state

Nhà nước có thể cung cấp giáo dục và y tế miễn phí

Some governments control public transport systems and even TV channels

Một số chính phủ quản lý hệ thống giao thông công cộng và thậm chí là các kênh truyền hình

In other countries, these services are provided by private companies

Ở một số quốc gia khác, dịch vụ này do các công ty chuyên trách quản lý

Some people believe that competition between private companies is good

Một số người cho rằng cạnh tranh giữa các công ty tư nhân có lợi

It helps to improve quality while bringing prices down

Cạnh tranh giúp cải tiến chất lượng, đồng thời giảm giá thành sản phẩm

Other people think that essential services should be free

Một số người khác cho rằng, dịch vụ thiết yếu nên được miễn phí

Governments should pay for them

Chính phủ sẽ trợ cấp những dịch vụ thiết yếu

16. GLOBALIZATION – TOÀN CẦU HÓA

16.1. Positives of Globalization - Lợi ích của toàn cầu hóa

Multi-national companies do business across the world

Công ty đa quốc gia kinh doanh trên toàn thế giới

Companies like MacDonald's can be seen on high streets in most cities

Các công ty như MacDonald có thể bắt gặp ở các con phố lớn ở hầu hết các thành phố

Goods are produced in one country and sold in many others

Hàng hóa được sản xuất ở một quốc gia và bán ở nhiều quốc gia

A global economy means free trade between countries

Một nền kinh tế toàn cầu đồng nghĩa với việc tự do thương mại giữa các nước

This can strengthen political relationships

Tự do thương mại có thể tăng cường mối quan hệ chính trị

Globalization can also create opportunities for employment

Toàn cầu hóa cũng có thể tạo thêm cơ hội việc làm

It encourages investment in less developed countries

Nó khuyến khích đầu tư vào các quốc gia kém phát triển

It could reduce poverty in the developing world

Nó làm giảm nghèo đói ở các quốc gia đang phát triển

16.2 Negatives of Globalization - Bất lợi của toàn cầu hóa

Globalization is not always beneficial to everyone

Toàn cầu hóa không mang lại lợi ích cho toàn thể mọi người

Companies can move to countries where labour is cheap

Các công ty có thể chuyển tới các nước có nguồn nhân công rẻ mạt

This creates redundancies, or job losses

Điều này dẫn đến mất việc/thất nghiệp

Employees cannot be confident that they have stable jobs

Người lao động không thể tự tin rằng mình có việc làm ổn định

Companies sometimes exploit their employees in developing countries

Đôi khi các công ty cũng thuê nhân viên ở các quốc gia đang phát triển

Global trade creates more waste and pollution

Thương mại toàn cầu gây ra lãng phí và ô nhiễm hơn

16.3 The future of globalization - Xu hướng toàn cầu hóa

There should be global regulations for salaries and working conditions

Nên có quy tắc chung về mức lương và điều kiện làm việc

Governments should impose laws to protect the environment

Chính phủ nên áp đặt luật bảo vệ môi trường

WRITING SAMPLES 1

TOPIC 1:

You have just returned home after living with a family in an English-speaking country for six months.

You now realise that you left a small bag of personal possessions in your room.

Write to the family describing the things you left behind. Ask them to send some or all of them to you. Offer to cover the costs.

Dear Mr. and Mrs. Hooper,

I hope you are all well. The flight home seemed very long but my family all came to meet me at the airport, which was fantastic. Thank you so much for having me - I enjoy my time with you very much.

I have a favour to ask. When I got home, I realised that I had left a small black handbag in my bedroom. You may recall that I bought myself a new bag while I was in Sydney and I'm pretty sure I put the old one under the bed.

I don't really need the bag but some of the things inside are of sentimental value and I would be very grateful if you could send them to me. There is a red address book, a small leather wallet with some photos and a silver necklace. None of the other things are important so please don't worry about them. Could you please let me know how much the postage is and I will send you the money to cover the cost.

Looking forward to hearing from you soon. Thank you once again for your help.

Love to all the family.

Maria

TOPIC 2:

Write a letter to your friend/family to describe an accident that has happened to you and ask for help.

Hi David and Jin!

This is just a short letter to let you know that I'm in hospital – but don't worry, it's nothing too serious, just a broken ankle. It happened on Sunday evening when I was dancing. I jumped up and landed on the side of my foot.

The doctors say it is a complicated break, so I have to stay here for a week for more x-rays. It's a real drag, I can tell you. I've got lots of books and magazines, but even so, being in hospital is dead boring!

I'm not allowed to leave my room, so I can't go for a walk, and I don't know what to do with my time. Anyway, it'd be great to hear from you with any news. A funny letter would really cheer me up. Do you think you could send me some magazines or something?

Hope to see you soon.

Lots of love,

Emily

TOPIC 3:

An English-speaking friend has written to you to ask you how your IELTS studies are going.

Write a letter telling your friend how you are preparing for the test.

Dear Shelley,

Thanks for your reply. It's good to hear from you again and I hope you are doing well. My preparation for the IELTS is going OK but I don't have enough time for studying. I am too tired in the evenings after a full day in the office, so I have to rely on the weekends. I might need to book some private lessons if I want a good score.

One thing I like to do is to read newspapers in English whilst I travel to work on the train. This is helping me with my vocabulary and grammar. I also send out emails in English to practise for the writing section. When I get home I like to watch British TV shows, with the subtitles turned off. My listening skills have improved greatly since I started watching TV,

which is more interesting than listening to music.

The most difficult section for me is the writing section because my grammar is not good enough. I am trying my best to learn the rules of English but some of the verbs seem to have more than one meaning and this is causing me trouble. I hope to sit the test in about three months.

Best wishes,

Tina

TOPIC 4:

You have a friend who lives in a city abroad. You have decided that you would like to apply to do a course at one of the colleges in this city. Write to your friend explaining what you would like to do. Tell him/her what type of work or studies you have been doing for the past few years and ask for assistance in contacting an appropriate institution.

Dear Alison,

Sorry I haven't written for ages. I've been so busy over the last year and I never seem to have a minute to myself.

I'd like to study Computer Science at university in US next year and I hope you can give me some advice. I think I would prefer NYC because I know a few people from my visit last year.

This year I'm doing maths and physics at school and I hope to do well in my exams.

However, I really don't know which university to apply to, so could you send me some information about different colleges? Also can you find out what qualifications I need? For instance, as an overseas student, do I have to take an English test?

I hope you don't mind doing this for me. It is much better to get this information from someone who lives in the country, so I hope to hear from you soon.

Many thanks,

Jim

TOPIC 5:

You have recently moved to a different house.

Write a letter to an English-speaking friend. In your letter

- explain why you have moved
- describe the new house
- invite your friend to come and visit.

Dear Thomas,

I am writing to let you know that at last we have moved to a bigger house. We just couldn't go on living in the two-bedroom bungalow now that the twins are growing up and the new baby has arrived. So we started looking- and one thing led to another and finally here we are in our new home.

I'm sure you'll like it. We have three bedrooms now, and a very modern bathroom and kitchen. The kids are happy because there is much more space with the big living room and the garden outside. But Daniel is the happiest of all because he doesn't need to do much decorating.

Why don't you come round this weekend and see what you think of our new place? We would all love to see you and if the weather is good we can have a barbecue in the garden.

Our new address and phone number are below, so give us a call and let us know when to expect you.

Lots of love,

Peter

TOPIC 6:

Marina has just started a new course at college and her tutor has asked her to write him a letter telling him something about herself.

Dear Tutor,

I have come to Brighton College from Singapore, Where I was a student for ten years. I have

already taken examinations in Singapore in English, Biology, Computer and Maths. My highest score was for Computer: I got grade A.

When I was a student in Singapore I also had a part-time job in a shop. My uncle owns a supermarket and so I helped him in the evenings. I worked there four nights a week and I think this was very good experience for me.

At the weekends, I usually played volleyball with friends or, if the weather was bad, we used to go to the theatre, which is very popular in Singapore. Because of my part-time job, I also spent a lot of time studying at the weekend.

I haven't been to many other places. My father took me to Thailand once. Three weeks after we returned he also went to Malaysia and took the whole family.

This is a brief description of my background.

Best wishes,

Marina

WRITING SAMPLES 2

TOPIC 1

Last week you were on a flight to London. Unfortunately, when you left the plane, you left a bag. You did not remember about the bag until you got to your hotel.

Write a letter to the airline. Explain what has happened, describe the bag and its contents and say what you would like them to do about it.

Dear Sir,

I am writing in connection with a bag that I left on one of your planes. Last week on Tuesday 4th May I came to London on flight ABC from New York. My seat number was R5. The plane arrived late at night and I was tired. As a result when I got home, I remembered that I had left my bag on the plane under the seat in front of me.

My bag is small and made of black leather with a zip opening the top. Inside the bag there is a pen, a paperback I was reading, some car keys and my diary.

Therefore would your lost property department please check and see if they have my bag and contact me as soon as possible to let me know whether they have found it or not?

You can contact me on my mobile telephone number which is: 01753 853 736.

Thanking you in advance for your help, I look forward to hearing from you soon.

Yours sincerely,

John Smith

TOPIC 2:

Write a letter to the Information Officer at the TAPE Information Office asking for information about the Tertiary Preparation Certificate.

Describe your educational background and your reasons for wanting to do the course.

Dear Sir/Madam,

I would like some information about the Tertiary Preparation Certificate. If possible I would like to enroll in this course as a part-time student in 1992.

I left school eight years ago after completing the IISC. Since then I have worked as a sales assistant in both Grace Bros and David Jones. From the beginning of this year I have been in charge of the Children's Wear Department in Grace Bros, Lily field.

However, in order to advance any further in my career into a managerial position, I will need to do some further study, such as a Marketing or Business Course. Because I have not studied for many years, I believe that I should complete the TPC before enrolling in a Business course.

Could you please send me the information as soon as possible, and tell me the dates for enrolling in the Tertiary Preparation Certificate.

Yours faithfully

TOPIC 3:

You are going on a month training programme to the UK and know that the head of the course would like one of the participants to be the social events' organiser.

Write a letter to the Training Organiser

- **expressing your interest in the role**
- **requesting more information about it**
- **explaining what experience you have**

Dear Mr.Coleman,

I am one of the trainees due to attend the 'customer care' course in June and I am writing to tell you my interest in being the social events' organiser for the group.

Could you please send me a bit more information about the size and background of the group and give me a clue about the facilities at the training venue and some stuff there is to see and do in the local area. From the programme I have got, it seems that trainees will be free three evenings in the week and after 1.00 pm on Saturdays at the weekend.

I have some experience of acting in this role as we often run courses here for overseas colleagues and in the past I have been asked to keep myself busy with the social programme: trips, nights-out, group competitions etc. This is a role that I absolutely love.

Please drop me a line if you want any further information or would like me to provide you with the names of referees.

I look forward to hearing from you right away.

Best regards,

Mark Key

Client Advisor

TOPIC 4:

You are a student at University of Sydney. Your ID card has been stolen. Write to the Local Police Station, giving details of who you are, what happened and asking what you should do to get a new ID card.

Dear Sir/Madam,

I am writing to report the theft of my ID card. I am currently studying chemical engineering at University of Sydney, and I came to Australia in August 2012. My course here ends in September next year. I lost my ID card at Milsons Point Station on 21 April. I was about to catch the 9.30 morning train to Town Hall Station, and I was having a cup of coffee at the snack bar in the train station while I waited. The ID card was in the side pocket of my day-pack, which I carried on my shoulder. This must have been snatched while I was drinking the coffee, although I did not notice it had gone until I left the snack bar at 9.20.

My ID number is ... and I would be grateful if you could inform me of what I must do to obtain another ID card I have some copies of my lost ID card; do I need to provide them?

Please let me know of the procedures and the cost of a new ID card.

Yours faithfully

Judith White

TOPIC 5:

You are organizing a trip to the Black Mountains in West Wales for a group of students from Canterbury in Kent, UK. Write to the manager of Student Hostel Services and explain when you want to visit the Black Mountains, how long you will stay, how many students are in your party, and what accommodations you will require.

To Whom It May Concern,

I am arranging a trip to your area. I am writing to seek accommodation in the Black Mountains for a group of students from Canterbury.

We expect to be in the Black Mountains between July 4 and July 17. There are sixteen people in our group, seven men and nine women. The seven men will accept dormitory accommodation, and the women are happy to share rooms. We hope to keep our expenses as low as possible.

Could you please provide me with information regarding recreational services in the area? The group will bring their own boots for bush-walking, but we are hoping to hire equipment for other sports, like skiing. Some of our group will want to hire geological picks and other equipment, if possible. Could you provide this? We also need to know about access to caves and other interesting geological sites in the area.

I am looking forward to receiving information about the Student Hostel services and other facilities.

Your faithfully

TOPIC 6:

As an international student in Sweden, you have an account with a local bank. The monthly bank transfer you receive from your parents has been delayed this month due to an error at your parents' bank. Write a letter to your bank. In your letter: introduce yourself and ask for a loan, say why you need the money and tell how you intend to pay back the money.

Dear Sir or Madam

I am an international student from Indonesia studying Biology at Umea University, I have had my account with you for about two years already, since I arrived in Sweden and have always kept this account in credit. I am writing to you, as I would like to request a temporary loan so that I can meet my expenses this month.

My parents send me a regular bank transfer of 1700 Euro every month. Until now, I have always received this monthly bank transfer without any difficulty. Unfortunately, however, there has been an error at the bank branch in Jakarta and so my parents have not been able to send me money this month. This will be a problem for me because I have to pay rent to my landlord of 700 Euro per month which is due next week. I also need money to cover general living expenses, such as transport to and from college, etc. I estimate that I will be able to keep my living expenses down to 600 Euro this month in order to save money.

I would therefore like to request a temporary loan of 500 Euro for a maximum period of one month until my parents' bank transfer arrives. Your assistance would be greatly appreciated. I look forward to hearing from you soon.

Yours faithfully

Suhail Salamat

TOPIC 7:

Your family is going to move to another town. Write a letter to the Principal of a local school asking if they will accept your son. Describe his academic achievements and scope of interests.

Dear Principal,

I am writing to ask you if there is a place in your school for my son, Ryan Larkin. Ryan is in Form 9 at his present school. He is interested in Science subjects, so we are keen to find a school with good science laboratories and teachers.

I am enclosing a copy of Ryan's school report for last year, which shows his good marks in science and his love of sport, particularly, football. He is captain of the under 15's team which plays near our house. He is also interested in music, and is part of his school orchestra.

Please let us know if you have an orchestra at your school. We are going to arrive at our new home in June next year, and we are looking for a house in your area. We will be happy to provide you with more information about Ryan, and we are looking forward to receiving information about your school.

I do hope you can find place at your school for a boy with Ryan's interests.

Yours faithfully

Judy Larkin

TOPIC 8:

You want to start your own small business. Write a letter to a bank requesting information about obtaining a business loan to finance your new company. Include the

following information:

- **what kind of business you want to start**
- **how much money you need**
- **the length of time over which you would expect to repay the money**

Dear Sir or Madam,

I am writing to ask for information concerning a loan. I am planning to start a new business, which is my very first attempt, and I need some help.

I am hoping to set up a small restaurant near University of Brighton. My market research suggests that currently we do not have any restaurant near the university. Approximately 2000 students come and go by the area each day, and believe my new business will allow them to have a meal break for the day.

Since I need a sum of £30000 to start up the business, I would like to know what interest rate you offer. I would hope to repay the sum within five years at most, so I wonder what kind of deal you can offer. Could you therefore send some details of your business loan conditions to the e-mail address below, or call (044) 710727102 during the daytime?

I very much look forward to receiving your prompt reply.

Your faithfully,

Danny Smith(DS1969@gmail.com)

TOPIC 9:

Write a letter to an electronics company requesting information about their latest model of digital camera you have seen advertised.

Ask about the following items:

- **The price and availability of the new camera**
- **The exact size and special functions of the set**

Dear Sir/Madam,

I am writing to request information from you about your new Nikon D5200 digital camera that I saw advertised on television last night, 8 February.

First of all, I would like to know exactly how much the Nikon D5200 costs. It would also be useful if you could tell me where I can buy it, and when exactly it will be on sale. In addition, I need to know the LCD screen size and resolution: is the screen larger than 3 inches wide, for example? I enjoy new technology very much, so I am hopeful that your new product is going to have some feature that will set it apart from all the other cameras on the market.

I would be very grateful if you could send me some more information about the new model, the Nikon D5200, at your earliest convenience.

Yours faithfully

Janet Jenkins

TOPIC 10:

Write a semi-formal letter to a person and invite her/ him to a celebratory event. Write three paragraphs that focus on

- **Venue, date and time**
- **Atmosphere of celebratory**
- **Response to the invitation**

You should write at least 150 words.

You do NOT need to write your own address.

Begin your letter as follows:

Dear ...

model answer:

Dear Ms.Vernet,

I am writing to invite you to a reception to celebrate the 50th anniversary of The Foxtrot at 8.00 pm February 10th. As a regular and valued customer of ours, we would very much like you and a guest to be present on this special occasion for us.

We are hoping that around 200 people that we genuinely consider as friends of our club will be able to attend. As well as a special buffet, you will be able to enjoy a number of performances from some of the musicians that have helped to create the special atmosphere of evenings at The Foxtrot over the past five decades.

Please bring the enclosed invitation to show at the door and please call or e-mail us if you have any special requests for the evening. We look forward to sharing the special evening with you.

Best regards

Kathy Tayler

TOPIC 11:

You have recently bought a Telephone with answer machine from an online shop. The web page said that the answer machine shows you a list of who left a message so you can choose which to play first. But after taking it home you find out that only the most recent call is kept in the calls list.

Write an e-mail letter to the store manager.

Dear Sir/Madam,

My name is Colet Keneddy and I am a new internet customer. On Wednesday I purchased a Telephone from your online shop with an answer machine, only the most recent call is kept in the calls list.

The web page stated that the answer machine was a new model capable that the answer machine shows you a list of who left a message so you can choose which to play first. The user manual states quite clearly that it will only play the most recent calls and it does not record all messages.

I wish to exchange the model for one that will list all messages. I do not wish to spend any more money so the replacement model must not be more expensive. If you do not have a suitable replacement, then please contact me by e-mail so I can return the item for a full refund, including postage and packaging costs. Please let me know your postal address for returns.

I look forward to your early response by e-mail, and I trust that you will update your web page so that it contains the correct information.

Yours faithfully

Colet Keneddy

TOPIC 12:

You work in a busy but poorly organised office and you are keen to be promoted. Your employer needs to find a new supervisor for your department.

Write a letter to your employer. In the letter

- **ask to be considered for this job**
- **explain why you would be a suitable candidate**
- **outline the current problems and the changes you would like to make.**

Dear Mr Green

It is now three years since I joined this company and while I find my current position of administrative assistant very rewarding, I feel I am ready to take on a more challenging role. I would therefore like to apply for the position of office supervisor.

I have qualifications in business management and I have over ten years' experience working in this industry. I have also recently taken a course in team leadership. During my time here I have been responsible for instigating several new systems. As you are aware, many of the operating systems we currently use are outdated and are inadequate for dealing with the large number of customers we now have. If I have given the opportunity to manage this area then I would plan to gradually update these systems so that the office can run more smoothly.

I am enthusiastic and energetic employee and I feel that I am qualified for this role.

I would be grateful if you could consider me for this position.

Your sincerely

TOPIC 13:

You share a parking area with several neighbours and have recently started having problems. Write a letter to be copied to all neighbours that share the parking area

- **explaining the problems**
- **suggesting ways to help the situation**
- **proposing a possible meeting**

Dear Neighbours,

I am writing to inform you of a number of problems I have had recently concerning the communal parking space. As you are aware, every resident in this block is allocated one space in the parking area. Since the beginning of the month, however, I have on several occasions been unable to find a parking space when I return home from work.

This must mean that either some residents are using the area for more than one car or that non-residents are using the parking area. Also, I have noticed that the parking area is being used more and more frequently as an area to dump unwanted furniture which is untidy and a potential health risk.

I am not blaming any individual for these problems but feel that as a group of residents we should act together to avoid any repetition of these problems in the future perhaps by putting up much clearer signs.

I would like to suggest that we meet to discuss these and other issues you may have on Monday March 18th at 8.00 pm. I am happy to host this meeting in my flat (Flat 1). Please call to let me know if you would be interested in attending this meeting: 2775 483.

Best regards,

David Lee.

TOPIC 14:

You are part of a group of musicians who meet on Monday and Wednesday evenings to practise in the community hall. You have been told, however, that it is no longer possible for the group to use the hall.

Write a letter to the manager. In the letter:

- **describe what the group does**
- **explain why the group is good for the community**
- **suggest alternative days and times for practice**

Dear Mr. Daniel,

I am writing on behalf of a group of musicians called The IPA Band; who have been using the community hall for rehearsals. Until recently, they have been using the town hall to practise. However, they were informed by the council secretary that they would no longer be allowed to do so, but were not given any reason why.

The band has an upcoming set of gigs at the local community centre, which would bring in extra revenue for the centres renovation fund, as they have decided to donate all profits from the gigs. If it is a case of changing the days of practice, the group are happy to do so; Fridays and Thursdays would also be suitable for them. I would welcome the chance to discuss the matter further with you.

I look forward to hearing from you soon.

Yours sincerely,

R. DAVIS

Manager The IPA Band'